

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 37 /2024/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2024

THÔNG TƯ

Quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa theo chất lượng thực hiện

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa theo chất lượng thực hiện.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa theo chất lượng thực hiện đối với các công tác bảo dưỡng thường xuyên.

2. Thông tư này không áp dụng đối với công tác sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa theo chất lượng thực hiện.

Điều 3. Tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa theo chất lượng thực hiện

Tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa theo chất lượng thực hiện được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Giám sát kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa theo chất lượng thực hiện

1. Chủ đầu tư hoặc cơ quan, tổ chức được Chủ đầu tư ủy quyền, giao nhiệm vụ hoặc tư vấn giám sát tổ chức thực hiện giám sát kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa theo chất lượng thực hiện.

2. Giám sát kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa theo chất lượng thực hiện được thực hiện định kỳ, đột xuất (sau đây gọi tắt là giám sát) gồm các hoạt động sau đây:

a) Kiểm tra nội nghiệp: kiểm tra việc ghi chép, lập hồ sơ theo dõi, báo cáo, lưu trữ, cập nhật số liệu của các sổ quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này và phần mềm máy tính (nếu có);

b) Kiểm tra ngoại nghiệp: kiểm tra bằng trực quan kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa trên thực tế hiện trường hoặc kiểm tra chất lượng báo hiệu qua hình ảnh kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa;

c) Việc đánh giá giám sát được thực hiện theo Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Kết quả giám sát được thực hiện cho từng tiêu chí của mỗi hạng mục công việc của tuyến, đoạn tuyến đường thủy nội địa theo Hợp đồng đã ký kết và được lập thành biên bản theo Mẫu số 6 Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Đối với các tồn tại tại hiện trường, khi hoàn thành việc khắc phục, nhà thầu thông báo đến cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này để giám sát, xác nhận kết quả khắc phục tồn tại của nhà thầu bằng biên bản.

5. Chi phí giám sát được lập trên cơ sở định mức hoặc lập chi phí đủ thành phần hao phí phục vụ giám sát theo tháng, quý và hoàn thành. Chi phí giám sát được chủ đầu tư phê duyệt trong dự toán bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa theo quy định.

Điều 5. Nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa theo chất lượng thực hiện

1. Chủ đầu tư hoặc cơ quan, tổ chức được Chủ đầu tư ủy quyền, giao nhiệm vụ có trách nhiệm nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa theo chất lượng thực hiện. Trường hợp thuê tư vấn giám sát, Chủ đầu tư hoặc cơ quan, tổ chức được Chủ đầu tư ủy quyền, giao nhiệm vụ căn cứ kết quả giám sát của tư vấn giám sát để nghiệm thu.

2. Nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa theo chất lượng thực hiện được thực hiện cho mỗi hạng mục công việc của tuyến, đoạn tuyến đường thủy nội địa theo Hợp đồng đã ký kết và được lập thành biên bản theo Mẫu số 7 Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa theo chất lượng thực hiện được thực hiện theo tháng, quý và nghiệm thu

hoàn thành theo thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký kết.

a) Đánh giá nghiệm thu được thực hiện theo phương pháp chấm điểm với thang điểm 100 (tương ứng với tỷ lệ 100%) của từng hạng mục công việc theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Nghiệm thu theo tháng được thực hiện trên cơ sở kết quả giám sát định kỳ, giám sát đột xuất (nếu có);

c) Nghiệm thu quý và nghiệm thu hoàn thành là tổng hợp kết quả nghiệm thu các tháng.

Điều 6. Thanh toán kinh phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa theo chất lượng thực hiện

1. Nhà thầu được thanh toán kinh phí trong kỳ thanh toán tương ứng với tỷ lệ điểm nghiệm thu đạt được. Ngoài ra, trong thời gian thực hiện Hợp đồng, nhà thầu còn bị giảm trừ số điểm đạt được đối với các trường hợp sau:

a) Giảm trừ 25% số điểm còn lại của hạng mục công việc của tháng được nghiệm thu khi lần thứ 2 được đánh giá đạt dưới 75%;

b) Giảm trừ 50% số điểm còn lại của hạng mục công việc của tháng được nghiệm thu khi lần thứ 3 được đánh giá đạt dưới 75% hoặc lần thứ 2 đánh giá đạt dưới 50%.

2. Xem xét chấm dứt hợp đồng và không được tham gia dự thầu thực hiện quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa năm tiếp theo khi có hạng mục công việc lần thứ 4 đánh giá đạt dưới 75% hoặc lần thứ 3 đánh giá đạt dưới 50%.

3. Đối với các tồn tại hiện trường được xác định khi nghiệm thu mà nhà thầu chưa khắc phục theo thời gian quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này thì phần chưa khắc phục được tính cộng vào kết quả giám sát, nghiệm thu chưa hoàn thành của tháng liền kề.


4. Giá trị hợp đồng của từng hạng mục công việc trên tuyến, đoạn tuyến đường thủy nội địa được chia đều cho các tháng làm cơ sở thanh toán và giảm trừ kinh phí.

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

Các Hợp đồng quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa theo chất lượng thực hiện đã được ký kết trước khi Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2019/TT-BGTVT ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa theo chất lượng thực hiện đến khi kết thúc Hợp đồng.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 và thay thế Thông tư số 08/2019/TT-BGTVT ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa theo chất lượng thực hiện.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./. 

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Thủ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp) ;
- Cục Kiểm soát TTHC (Văn phòng Chính phủ);
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, KCHT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Xuân Sang

Phụ lục I

**TIÊU CHÍ GIÁM SÁT, NGHIỆM THU KẾT QUẢ BẢO TRÌ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG
CÁI LỘ THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA THEO CHẤT LƯỢNG THỰC HIỆN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37 /2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)



STT	Hạng mục công việc	Tiêu chí	Thời gian thực hiện, khắc phục
1	Công tác kiểm tra tuyển		
1.1	Nhân lực, phương tiện, thiết bị thực hiện của nhà thầu	Nhân lực của nhà thầu phù hợp với hợp đồng hoặc văn bản chấp thuận điều chỉnh, bổ sung của Chủ đầu tư hoặc cơ quan, tổ chức được Chủ đầu tư ủy quyền, giao nhiệm vụ hoặc tư vấn giám sát (nếu có) Phương tiện, thiết bị của nhà thầu phù hợp với hợp đồng hoặc văn bản chấp thuận điều chỉnh, bổ sung của Chủ đầu tư hoặc cơ quan, tổ chức được Chủ đầu tư ủy quyền, giao nhiệm vụ hoặc nhà thầu tư vấn giám sát (nếu có)	Bổ sung đủ nhân lực theo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày kết thúc giám sát Bổ sung đủ phương tiện, thiết bị theo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày kết thúc giám sát
1.2	Báo cáo kết quả thực hiện công việc theo vòng kiểm tra tuyển, đoạn tuyển và theo từng tháng của nhà thầu	Có báo cáo kết quả thực hiện công việc kiểm tra tuyển, đoạn tuyển Có đủ báo cáo theo số vòng kiểm tra tuyển, đoạn tuyển và theo từng tháng của nhà thầu Báo cáo đầy đủ nội dung theo Mẫu tại Bảng K1 - TCVN 11392:2017	
1.3	Sổ nhật ký tuyển	Có sổ nhật ký tuyển theo Mẫu số 1 tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này Sổ ghi chép đầy đủ nội dung các tình huống trên hành trình kiểm tra tuyển	
1.4	Sổ theo dõi báo hiệu	Có sổ theo dõi báo hiệu theo Mẫu số 3-1 Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này Sổ ghi đầy đủ nội dung	
1.5	Sổ theo dõi đèn báo hiệu	Có sổ theo dõi đèn báo hiệu theo Mẫu số 3-2 Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này	

STT	Hạng mục công việc	Tiêu chí	Thời gian thực hiện, khắc phục
		Sổ ghi đầy đủ nội dung	
1.6	Sổ theo dõi công trình, cảng, bến thủy nội địa, vật chướng ngại, tai nạn giao thông	Có sổ theo dõi công trình, cảng, bến thủy nội địa, vật chướng ngại, tai nạn giao thông theo Mẫu số 4 Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này	
		Sổ ghi đầy đủ nội dung	
1.7	Báo cáo các tồn tại điểm đen, điểm tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông đường thủy (nếu có)	Có báo cáo các tồn tại điểm đen, điểm tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông đường thủy Báo cáo có đánh giá theo tiêu chí các điểm đen, điểm tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông đường thủy theo quy định về việc xác định và xử lý vị trí nguy hiểm trên đường thủy nội địa	Nhà thầu báo cáo bổ sung trong 02 ngày kể từ ngày kết thúc giám sát
2	Công tác báo hiệu đường thủy nội địa		
2.1	Nhân lực, phương tiện, thiết bị thực hiện của nhà thầu	Nhân lực của nhà thầu phù hợp với hợp đồng hoặc văn bản chấp thuận điều chỉnh, bổ sung của Chủ đầu tư hoặc cơ quan, tổ chức được Chủ đầu tư ủy quyền, giao nhiệm vụ hoặc nhà thầu tư vấn giám sát Phương tiện, thiết bị của nhà thầu phù hợp với hợp đồng hoặc văn bản chấp thuận điều chỉnh, bổ sung của Chủ đầu tư hoặc cơ quan, tổ chức được Chủ đầu tư ủy quyền, giao nhiệm vụ hoặc nhà thầu tư vấn giám sát	Yêu cầu bổ sung đủ nhân lực theo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày kết thúc giám sát Yêu cầu bổ sung đủ phương tiện, thiết bị theo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày kết thúc giám sát
2.2		Vị trí báo hiệu phù hợp với luồng chạy tàu Phao, cột báo hiệu trên bờ không nghiêng quá 15° so với phương thẳng đứng	Yêu cầu khắc phục trong 05 ngày kể từ ngày kết thúc giám sát (không tính thời gian không thực hiện được do thiên tai) Yêu cầu khắc phục trong 05 ngày kể từ ngày kết thúc giám sát (không tính thời gian không thực hiện được do thiên tai)

STT	Hạng mục công việc	Tiêu chí	Thời gian thực hiện, khắc phục
		Phao, báo hiệu trên bờ không bị mất đèn hiệu	Yêu cầu khắc phục trong 05 ngày kể từ ngày kết thúc giám sát (không tính thời gian không thực hiện được do thiên tai). Nhà thầu phải chịu mọi chi phí lắp đặt lại đèn báo hiệu khi bị mất
		Phao, báo hiệu trên bờ không bị mất biển báo hiệu, tiêu thị	Yêu cầu khắc phục trong 05 ngày kể từ ngày kết thúc giám sát (không tính thời gian không thực hiện được do thiên tai). Nhà thầu phải chịu mọi chi phí lắp đặt lại tiêu thị khi bị mất
		Biển báo hiệu trên bờ, tiêu thị không bị nghiêng, gãy	Yêu cầu khắc phục trong 05 ngày kể từ ngày kết thúc giám sát (không tính thời gian không thực hiện được do thiên tai)
		Thân phao không bị móp méo, biến dạng	Yêu cầu khắc phục trong 05 ngày kể từ ngày kết thúc giám sát (không tính thời gian không thực hiện được do thiên tai)
		Giá phao, cột báo hiệu trên bờ không bị biến dạng (gãy, gập)	Yêu cầu khắc phục trong 05 ngày kể từ ngày kết thúc giám sát (không tính thời gian không thực hiện được do thiên tai)
2.3	Bảo dưỡng và sơn màu phao báo hiệu	Màu sắc phao báo hiệu, nước sơn rõ ràng, sắc nét và đúng quy Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam	Yêu cầu khắc phục trong 05 ngày kể từ ngày kết thúc giám sát (không tính thời gian không thực hiện được do thiên tai)
	Số thứ tự phao báo hiệu đúng theo quy định về lắp đặt báo hiệu ki lô mét - địa danh và cách ghi ký hiệu, số thứ tự trên báo hiệu đường thủy nội địa		
	Chữ viết, ký hiệu trên phao báo hiệu rõ ràng, sắc nét và đúng quy định về lắp đặt báo hiệu ki lô mét - địa danh và cách ghi ký hiệu, số thứ tự trên báo hiệu đường thủy nội địa		
2.4	Bảo dưỡng và sơn màu báo	Màu sắc báo hiệu trên bờ, nước sơn rõ ràng, sắc nét	Yêu cầu khắc phục trong 05 ngày kể từ

STT	Hạng mục công việc	Tiêu chí	Thời gian thực hiện, khắc phục
	hiệu trên bờ (bao gồm báo hiệu trên cầu)	<p>và đúng quy Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam</p> <p>Số thứ tự báo hiệu trên bờ đúng theo quy định về lắp đặt báo hiệu ki lô mét - địa danh và cách ghi ký hiệu, số thứ tự trên báo hiệu đường thủy nội địa</p> <p>Chữ viết, ký hiệu báo hiệu trên bờ rõ ràng, sắc nét và đúng quy định về lắp đặt báo hiệu ki lô mét - địa danh và cách ghi ký hiệu, số thứ tự trên báo hiệu đường thủy nội địa</p> <p>Liên kết tại mỗi nối không bị đứt, gãy</p>	ngày kết thúc giám sát (không tính thời gian không thực hiện được do thiên tai)
2.5	Vệ sinh báo hiệu đèn (đèn báo hiệu/đèn hiệu, báo hiệu điện tử)	<p>Màu sắc ánh sáng đèn hiệu theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam</p> <p>Chế độ sáng của đèn hiệu theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam</p> <p>Đèn hiệu không bị dính sơn, dầu</p>	<p>1) Báo hiệu điện hỏng phải sửa chữa, thay thế trong vòng 01 ngày sau khi phát hiện (không tính thời gian không thực hiện được do thiên tai)</p> <p>2) Yêu cầu khắc phục trong 03 ngày kể từ ngày kết thúc giám sát (không tính thời gian không thực hiện được do thiên tai)</p>
2.6	Phát quang quanh báo hiệu trên bờ	Báo hiệu trên bờ đảm bảo tầm nhìn cho người điều khiển tàu, thuyền đi trên luồng (không bị che khuất)	Yêu cầu khắc phục trong 03 ngày kể từ ngày kết thúc giám sát (không tính thời gian không thực hiện được do thiên tai)
3	Trực đảm bảo giao thông		
3.1	Bố trí nhân lực trực đảm bảo giao thông	<p>Có bố trí nhân lực trực đảm bảo giao thông.</p> <p>Trực đủ 03 ca/ngày</p>	Yêu cầu bổ sung đủ nhân lực theo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày kết thúc giám sát.
3.2	Sổ trực đảm bảo giao thông	<p>Có sổ trực đảm bảo giao thông theo Mẫu số 5 Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này</p> <p>Sổ ghi đầy đủ nội dung</p>	
3.3	Báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định	Có báo cáo định kỳ tuần, tháng, năm	

STT	Hạng mục công việc	Tiêu chí	Thời gian thực hiện, khắc phục
4	Đọc mực nước		
4.1	Bố trí nhân lực đọc mực nước	Có bố trí nhân lực đọc mực nước.	
4.2	Sổ đọc mực nước	Có sổ đọc mực nước theo Mẫu số 2 Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này Sổ ghi đầy đủ nội dung	
4.3	Thời điểm đọc mực nước	Theo quy định tại mục 6.6.2 TCVN 11392:2017	Thời điểm đọc mực nước sai lệch không quá ± 05 phút
4.4	Vẽ biểu đồ mực nước	Theo quy định tại mục 6.6.2 TCVN 11392:2017	Yêu cầu khắc phục trong 03 ngày kể từ ngày kết thúc giám sát
4.5	Có báo cáo, tổng hợp, lưu trữ theo quy định	Theo quy định tại mục 6.6.2 TCVN 11392:2017	
5	Đo dò, sơ khảo bãi cạn		
5.1	Số liệu đo và cao độ mực nước thời điểm đo	Có ghi sổ và lưu trữ hồ sơ quản lý luồng Số liệu đo và cao độ mực nước thời điểm đo cùng thời gian thực hiện	
5.2	Bản vẽ sơ họa mặt bằng bãi cạn và bản vẽ sơ họa trắc dọc, trắc ngang bãi cạn	Có bản vẽ sơ họa mặt bằng bãi cạn	
		Có bản vẽ sơ họa trắc dọc bãi cạn	
		Có bản vẽ sơ họa trắc ngang bãi cạn	
		Bản vẽ sơ họa mặt bằng bãi cạn và bản vẽ sơ họa trắc dọc, trắc ngang có thể hiện cao độ đáy, chiều rộng luồng, kích thước bãi cạn	
6	Vận hành âu tàu		
6.1	Bố trí nhân lực vận hành âu tàu của nhà thầu	Có bố trí nhân lực Trực đủ 03 ca/ngày Phù hợp với hợp đồng hoặc văn bản chấp thuận điều chỉnh, bổ sung của Chủ đầu tư hoặc cơ quan, tổ chức được Chủ đầu tư ủy quyền, giao nhiệm vụ hoặc nhà thầu tư vấn giám sát	Bổ sung đủ nhân lực theo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày kết thúc giám sát

STT	Hạng mục công việc	Tiêu chí	Thời gian thực hiện, khắc phục
6.2	Sổ vận hành âu tàu	Có sổ ghi vận hành âu theo quy trình vận hành Sổ ghi đầy đủ nội dung	Cung cấp đủ hồ sơ sau 02 ngày kể từ ngày giám sát
6.3	Vận hành âu tàu.	Vận hành âu tàu an toàn, không để xảy ra sự cố do lỗi chủ quan	1) Các thiết bị điện dân dụng bị sự cố, khắc phục không quá 03 giờ 2) Các sự cố, hư hỏng khác, thời gian báo cáo cấp có thẩm quyền không quá 24 giờ

Quy định áp dụng trong một số trường hợp khác:

1) Báo hiệu đã có trong kế hoạch sửa chữa hoặc thay thế, Chủ đầu tư chưa triển khai, nhà thầu vẫn thực hiện công tác báo hiệu đường thủy theo quy định; nhà thầu sử dụng báo hiệu của nhà thầu để thực hiện công tác báo hiệu đường thủy đối với báo hiệu hỏng, mất cho đến khi được thay thế.

2) Trường hợp khi ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin (phần mềm) hỗ trợ quản lý chất lượng bảo dưỡng thường xuyên công trình đường thủy nội địa ngoài hiện trường theo thời gian thực (Real-time), Chủ đầu tư ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng kết quả ứng dụng phần mềm để đưa vào hồ sơ mời thầu, Hợp đồng làm cơ sở đánh giá, nghiệm thu (kết quả ứng dụng phần mềm có thể thay thế cho các sổ tương ứng).

3) Trường hợp không thể kiểm tra tuyến do thiên tai, khan cạn... nhà thầu tổ chức kiểm tra bằng các hình thức khác phù hợp và phải đảm bảo đủ điều kiện để đánh giá theo tiêu chí chất lượng.

4) Căn cứ hạng mục công việc, Chủ đầu tư áp dụng các tiêu chí đánh giá tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này để tổ chức thực hiện cho phù hợp./.

Phụ lục II

ĐÁNH GIÁ GIÁM SÁT, NGHIỆM THU KẾT QUẢ BẢO TRÌ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA THEO CHẤT LƯỢNG THỰC HIỆN

(Ban hành kèm theo *hàng* *lưu* số 37 /2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)



STT	Hạng mục công việc	Tiêu chí chất lượng	Đánh giá kết quả thực hiện theo tiêu chí chất lượng	Điểm đánh giá	Nhà thầu tự đánh giá kết quả thực hiện	Kết quả giám sát, nghiệm thu
1	Công tác kiểm tra tuyển			100		
1.1	Nhân lực, phương tiện, thiết bị thực hiện của nhà thầu	Nhân lực của nhà thầu phù hợp với hợp đồng hoặc văn bản chấp thuận điều chỉnh, bổ sung của Chủ đầu tư hoặc cơ quan, tổ chức được Chủ đầu tư ủy quyền, giao nhiệm vụ hoặc tư vấn giám sát (nếu có)	Đáp ứng $\geq 95\%$ tiêu chí chất lượng	10		
			Đáp ứng $\geq 80\%$ đến 95% tiêu chí chất lượng	8		
			Đáp ứng $\geq 60\%$ đến 80% tiêu chí chất lượng	5		
			Đáp ứng $< 60\%$ tiêu chí chất lượng	0		
		Phương tiện, thiết bị của nhà thầu phù hợp với hợp đồng hoặc văn bản chấp thuận điều chỉnh, bổ sung của Chủ đầu tư hoặc cơ quan, tổ chức được Chủ đầu tư ủy quyền, giao nhiệm vụ hoặc nhà thầu tư vấn giám sát (nếu có)	Đáp ứng $\geq 95\%$ tiêu chí chất lượng	10		
			Đáp ứng $\geq 80\%$ đến 95% tiêu chí chất lượng	8		
			Đáp ứng $\geq 60\%$ đến 80% tiêu chí chất lượng	5		
			Đáp ứng $< 60\%$ tiêu chí chất lượng	0		
1.2	Báo cáo kết quả thực hiện công việc theo vòng kiểm tra tuyển,	Có báo cáo kết quả thực hiện công việc kiểm tra tuyển, đoạn tuyển	Đáp ứng tiêu chí chất lượng	5		
			Không đáp ứng tiêu chí chất lượng	0		

STT	Hạng mục công việc	Tiêu chí chất lượng	Đánh giá kết quả thực hiện theo tiêu chí chất lượng	Điểm đánh giá	Nhà thầu tự đánh giá kết quả thực hiện	Kết quả giám sát, nghiệm thu
	đoạn tuyến và theo từng tháng của nhà thầu	Có đủ báo cáo theo số vòng kiểm tra tuyến, đoạn tuyến và theo từng tháng của nhà thầu	Đáp ứng tiêu chí chất lượng	5		
			Có báo cáo nhưng không đủ báo cáo theo tiêu chí chất lượng	3		
			Không đáp ứng tiêu chí chất lượng	0		
		Báo cáo đầy đủ nội dung theo Mẫu tại Bảng K1 - TCVN 11392:2017	Đáp ứng tiêu chí chất lượng	5		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng nhưng không đủ nội dung	3		
			Không đáp ứng tiêu chí chất lượng	0		
1.3	Sổ nhật ký tuyến	Có sổ nhật ký tuyến theo Mẫu số 1 tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này	Đáp ứng tiêu chí chất lượng	5		
			Có sổ nhưng không theo mẫu	3		
			Không có sổ	0		
		Sổ ghi chép đầy đủ nội dung các tình huống trên hành trình kiểm tra tuyến	Đáp ứng tiêu chí chất lượng	10		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng nhưng không đủ nội dung	7		
			Sổ không ghi nội dung	0		
1.4	Sổ theo dõi báo hiệu	Có sổ theo dõi báo hiệu theo Mẫu số 3-1 Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này	Đáp ứng tiêu chí chất lượng	5		
			Có sổ nhưng không theo mẫu	3		

STT	Hạng mục công việc	Tiêu chí chất lượng	Đánh giá kết quả thực hiện theo tiêu chí chất lượng	Điểm đánh giá	Nhà thầu tự đánh giá kết quả thực hiện	Kết quả giám sát, nghiệm thu
			Không có sổ	0		
		Sổ ghi đầy đủ nội dung	Đáp ứng tiêu chí chất lượng	10		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng nhưng không đủ nội dung	7		
			Sổ không ghi nội dung	0		
1.5	Sổ theo dõi đèn báo hiệu	Có sổ theo dõi đèn báo hiệu theo Mẫu số 3-2 Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này	Đáp ứng tiêu chí chất lượng	5		
			Có sổ nhưng không theo mẫu	3		
			Không có sổ	0		
		Sổ ghi đầy đủ nội dung	Đáp ứng tiêu chí chất lượng	10		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng nhưng không đủ nội dung	7		
			Sổ không ghi nội dung	0		
1.6	Sổ theo dõi công trình, cảng, bến thủy nội địa, vật chướng ngại, tai nạn giao thông	Có sổ theo dõi công trình, cảng, bến thủy nội địa, vật chướng ngại, tai nạn giao thông theo Mẫu số 4 Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này	Đáp ứng tiêu chí chất lượng	5		
			Có sổ nhưng không theo mẫu	3		
			Không có sổ	0		
		Sổ ghi đầy đủ nội dung	Đáp ứng tiêu chí chất lượng	10		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng nhưng không đủ nội dung	7		

STT	Hạng mục công việc	Tiêu chí chất lượng	Đánh giá kết quả thực hiện theo tiêu chí chất lượng	Điểm đánh giá	Nhà thầu tự đánh giá kết quả thực hiện	Kết quả giám sát, nghiệm thu
			Sổ không ghi nội dung	0		
1.7	Báo cáo các tồn tại điểm đen, điểm tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông đường thủy (nếu có)	Có báo cáo các tồn tại điểm đen, điểm tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông đường thủy	Đáp ứng tiêu chí chất lượng	2		
			Không đáp ứng tiêu chí chất lượng	0		
		Báo cáo có đánh giá theo tiêu chí các điểm đen, điểm tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông đường thủy theo quy định về việc xác định và xử lý vị trí nguy hiểm trên đường thủy nội địa	Đáp ứng tiêu chí chất lượng	3		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng nhưng không đủ nội dung	2		
			Không đáp ứng tiêu chí chất lượng	0		
2	Công tác báo hiệu đường thủy nội địa			100		
2.1	Nhân lực, phương tiện, thiết bị thực hiện của nhà thầu	Nhân lực của nhà thầu phù hợp với hợp đồng hoặc văn bản chấp thuận điều chỉnh, bổ sung của Chủ đầu tư hoặc cơ quan, tổ chức được Chủ đầu tư ủy quyền, giao nhiệm vụ hoặc nhà thầu tự vấn giám sát	Đáp ứng $\geq 95\%$ tiêu chí chất lượng	5		
			Đáp ứng $\geq 80\%$ đến 95% tiêu chí chất lượng	4		
			Đáp ứng $\geq 60\%$ đến 80% tiêu chí chất lượng	2		
			Đáp ứng $< 60\%$ tiêu chí	0		
		Phương tiện, thiết bị của nhà thầu phù hợp với hợp đồng hoặc văn bản chấp thuận điều chỉnh, bổ sung của Chủ đầu tư hoặc cơ quan, tổ chức được Chủ đầu tư ủy quyền, giao	Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 95\%$	5		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 80\%$ đến 95%	4		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 60\%$ đến 80%	2		

STT	Hạng mục công việc	Tiêu chí chất lượng	Đánh giá kết quả thực hiện theo tiêu chí chất lượng	Điểm đánh giá	Nhà thầu tự đánh giá kết quả thực hiện	Kết quả giám sát, nghiệm thu
		nhiệm vụ hoặc nhà thầu tư vấn giám sát	Đáp ứng tiêu chí chất lượng < 60%	0		
2.2	Thao tác báo hiệu	Vị trí báo hiệu phù hợp với luồng chạy tàu	Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 95\%$ tổng số báo hiệu trên tuyến	5		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 80\%$ đến 95% tổng số báo hiệu trên tuyến	4		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 60\%$ đến 80% tổng số báo hiệu trên tuyến	2		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng < 60% tổng số báo hiệu trên tuyến	0		
		Phao, cột báo hiệu trên bờ không nghiêng quá 15° so với phương thẳng đứng	Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 95\%$ tổng số báo hiệu trên tuyến	5		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 80\%$ đến 95% tổng số báo hiệu trên tuyến	4		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 60\%$ đến 80% tổng số báo hiệu trên tuyến	2		

STT	Hạng mục công việc	Tiêu chí chất lượng	Đánh giá kết quả thực hiện theo tiêu chí chất lượng	Điểm đánh giá	Nhà thầu tự đánh giá kết quả thực hiện	Kết quả giám sát, nghiệm thu
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng < 60% tổng số báo hiệu trên tuyến	0		
		Phao, báo hiệu trên bờ không bị mất đèn hiệu	Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 95\%$ tổng số báo hiệu trên tuyến	5		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 80\%$ đến 95% tổng số báo hiệu trên tuyến	4		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 60\%$ đến 80% tổng số báo hiệu trên tuyến	2		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng < 60% tổng số báo hiệu trên tuyến	0		
			Phao, báo hiệu trên bờ không bị mất biển báo hiệu, tiêu thị	Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 95\%$ tổng số báo hiệu trên tuyến	5	
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 80\%$ đến 95% tổng số báo hiệu trên tuyến	4		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 60\%$ đến 80% tổng số báo hiệu trên tuyến	2		

STT	Hạng mục công việc	Tiêu chí chất lượng	Đánh giá kết quả thực hiện theo tiêu chí chất lượng	Điểm đánh giá	Nhà thầu tự đánh giá kết quả thực hiện	Kết quả giám sát, nghiệm thu
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng < 60% tổng số báo hiệu trên tuyến	0		
		Biển báo hiệu trên bờ, tiêu thị không bị nghiêng, gãy	Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 95\%$ tổng số báo hiệu trên tuyến	5		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 80\%$ đến 95% tổng số báo hiệu trên tuyến	4		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 60\%$ đến 80% tổng số báo hiệu trên tuyến	2		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng < 60% tổng số báo hiệu trên tuyến	0		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng < 60% tổng số báo hiệu trên tuyến	0		
		Thân phao không bị móp méo, biến dạng	Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 95\%$ tổng số phao	5		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 80\%$ đến 95% tổng số phao	4		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 60\%$ đến 80% tổng số phao đáp ứng tiêu chí	2		

STT	Hạng mục công việc	Tiêu chí chất lượng	Đánh giá kết quả thực hiện theo tiêu chí chất lượng	Điểm đánh giá	Nhà thầu tự đánh giá kết quả thực hiện	Kết quả giám sát, nghiệm thu
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng < 60% tổng số phao	0		
		Giá phao, cột báo hiệu trên bờ không bị biến dạng (gãy, gập)	Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 95\%$ tổng số báo hiệu trên tuyến	5		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 80\%$ đến 95% tổng số báo hiệu trên tuyến	4		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 60\%$ đến 80% tổng số báo hiệu trên tuyến	2		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng < 60% tổng số báo hiệu trên tuyến	0		
2.3	Bảo dưỡng và sơn màu phao báo hiệu	Màu sắc phao báo hiệu, nước sơn rõ ràng, sắc nét và đúng quy Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam	Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 95\%$ tổng số phao	5		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 80\%$ đến 95% tổng số phao	4		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 60\%$ đến 80% tổng số phao	2		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng < 60% tổng số phao	0		

STT	Hạng mục công việc	Tiêu chí chất lượng	Đánh giá kết quả thực hiện theo tiêu chí chất lượng	Điểm đánh giá	Nhà thầu tự đánh giá kết quả thực hiện	Kết quả giám sát, nghiệm thu
		Số thứ tự phao báo hiệu đúng theo quy định về lắp đặt báo hiệu ki lô mét - địa danh và cách ghi ký hiệu, số thứ tự trên báo hiệu đường thủy nội địa	Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 95\%$ tổng số phao	5		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 80\%$ đến 95% tổng số phao	4		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 60\%$ đến 80% tổng số phao	2		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng $< 60\%$ tổng số phao	0		
		Chữ viết, ký hiệu trên phao báo hiệu rõ ràng, sắc nét và đúng quy định về lắp đặt báo hiệu ki lô mét - địa danh và cách ghi ký hiệu, số thứ tự trên báo hiệu đường thủy nội địa	Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 95\%$ tổng số phao	5		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 80\%$ đến 95% tổng số phao	4		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 60\%$ đến 80% tổng số phao	2		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng $< 60\%$ tổng số phao	0		
2.4	Bảo dưỡng và sơn màu báo hiệu trên bờ	Màu sắc báo hiệu trên bờ, nước sơn rõ ràng, sắc nét và đúng quy Quy chuẩn kỹ thuật	Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 95\%$ tổng số báo hiệu trên bờ trên tuyến	5		

STT	Hạng mục công việc	Tiêu chí chất lượng	Đánh giá kết quả thực hiện theo tiêu chí chất lượng	Điểm đánh giá	Nhà thầu tự đánh giá kết quả thực hiện	Kết quả giám sát, nghiệm thu
	(bao gồm báo hiệu trên cầu)	quốc gia về báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam	Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 80\%$ đến 95% tổng số báo hiệu trên bờ trên tuyến	4		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 60\%$ đến 80% tổng số báo hiệu trên bờ trên tuyến	2		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng $< 60\%$ tổng số báo hiệu trên bờ trên tuyến	0		
	Số thứ tự báo hiệu trên bờ đúng theo quy định về lắp đặt báo hiệu ki lô mét - địa danh và cách ghi ký hiệu, số thứ tự trên báo hiệu đường thủy nội địa	Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 95\%$ tổng số báo hiệu trên bờ trên tuyến	5			
		Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 80\%$ đến 95% tổng số báo hiệu trên bờ trên tuyến	4			
		Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 60\%$ đến 80% tổng số báo hiệu trên bờ trên tuyến	2			
		Đáp ứng tiêu chí chất lượng $< 60\%$ tổng số báo hiệu trên bờ trên tuyến	0			
	Chữ viết, ký hiệu báo hiệu trên bờ rõ ràng, sắc nét và đúng quy định về lắp đặt báo	Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 95\%$ tổng số báo hiệu trên bờ trên tuyến	5			

STT	Hạng mục công việc	Tiêu chí chất lượng	Đánh giá kết quả thực hiện theo tiêu chí chất lượng	Điểm đánh giá	Nhà thầu tự đánh giá kết quả thực hiện	Kết quả giám sát, nghiệm thu
		hiệu ki lô mét - địa danh và cách ghi ký hiệu, số thứ tự trên báo hiệu đường thủy nội địa	Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 80\%$ đến 95% tổng số báo hiệu trên bờ trên tuyến	4		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 60\%$ đến 80% tổng số báo hiệu trên bờ trên tuyến	2		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng $< 60\%$ tổng số báo hiệu trên bờ trên tuyến	0		
		Liên kết tại mỗi nối không bị đứt, gãy	Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 95\%$ tổng số báo hiệu trên bờ trên tuyến	5		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 80\%$ đến 95% tổng số báo hiệu trên bờ trên tuyến	4		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 60\%$ đến 80% tổng số báo hiệu trên bờ trên tuyến	2		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng $< 60\%$ tổng số báo hiệu trên bờ trên tuyến	0		
2.5	Vệ sinh báo hiệu điện (đèn báo hiệu/đèn	Màu sắc ánh sáng đèn hiệu theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường thủy	Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 95\%$ tổng số đèn báo hiệu trên tuyến	5		

STT	Hạng mục công việc	Tiêu chí chất lượng	Đánh giá kết quả thực hiện theo tiêu chí chất lượng	Điểm đánh giá	Nhà thầu tự đánh giá kết quả thực hiện	Kết quả giám sát, nghiệm thu
	hiệu, báo hiệu điện tử)	nội địa Việt Nam	Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 80\%$ đến 95% tổng số đèn báo hiệu trên tuyến	4		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 60\%$ đến 80% tổng số đèn báo hiệu trên tuyến	2		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng $< 60\%$ tổng số đèn báo hiệu trên tuyến	0		
	Chế độ sáng của đèn hiệu theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam	Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 95\%$ tổng số đèn báo hiệu trên tuyến	5			
		Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 80\%$ đến 95% tổng số đèn báo hiệu trên tuyến	4			
		Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 60\%$ đến 80% tổng số đèn báo hiệu trên tuyến	2			
		Đáp ứng tiêu chí chất lượng $< 60\%$ tổng số đèn báo hiệu trên tuyến	0			
	Đèn hiệu không bị dính sơn, dầu	Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 95\%$ tổng số đèn báo hiệu trên tuyến	5			

STT	Hạng mục công việc	Tiêu chí chất lượng	Đánh giá kết quả thực hiện theo tiêu chí chất lượng	Điểm đánh giá	Nhà thầu tự đánh giá kết quả thực hiện	Kết quả giám sát, nghiệm thu
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 80\%$ đến 95% tổng số đèn báo hiệu trên tuyến	4		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 60\%$ đến 80% tổng số đèn báo hiệu trên tuyến	2		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng $< 60\%$ tổng số đèn báo hiệu trên tuyến	0		
2.6	Phát quang quanh báo hiệu trên bờ	Báo hiệu trên bờ đảm bảo tầm nhìn cho người điều khiển tàu, thuyền đi trên luồng (không bị che khuất)	Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 95\%$ tổng số báo hiệu trên bờ trên tuyến	5		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 80\%$ đến 95% tổng số báo hiệu trên bờ trên tuyến	4		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng $\geq 60\%$ đến 80% tổng số báo hiệu trên bờ trên tuyến	2		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng $< 60\%$ tổng số báo hiệu trên bờ trên tuyến	0		
3	Trực đảm bảo giao thông			100		
3.1	Bố trí nhân lực trực đảm bảo	Có bố trí nhân lực trực đảm bảo giao thông.	Đáp ứng tiêu chí chất lượng	15		

STT	Hạng mục công việc	Tiêu chí chất lượng	Đánh giá kết quả thực hiện theo tiêu chí chất lượng	Điểm đánh giá	Nhà thầu tự đánh giá kết quả thực hiện	Kết quả giám sát, nghiệm thu
	giao thông		Không đáp ứng tiêu chí chất lượng	0		
		Trực đủ 03 ca/ngày	Đáp ứng tiêu chí chất lượng	25		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng nhưng không trực đủ 03 ca	15		
			Không đáp ứng tiêu chí chất lượng	0		
3.2	Sổ trực đảm bảo giao thông	Có sổ trực đảm bảo giao thông theo Mẫu số 5 Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này	Đáp ứng tiêu chí chất lượng	20		
			Có sổ nhưng không theo mẫu	15		
			Không có sổ	0		
		Sổ ghi đầy đủ nội dung	Đáp ứng tiêu chí chất lượng	30		
			Đáp ứng tiêu chí nhưng không đủ nội dung	20		
			Sổ không ghi nội dung	0		
3.3	Báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định	Có báo cáo định kỳ tuần, tháng, năm	Đáp ứng tiêu chí chất lượng	10		
			Đáp ứng tiêu chí nhưng không đủ báo cáo	5		
			Không đáp ứng tiêu chí chất lượng	0		
4	Độc mực nước			100		
4.1	Bố trí nhân lực độc mực nước	Có bố trí nhân lực độc mực nước.	Đáp ứng tiêu chí chất lượng	15		

STT	Hạng mục công việc	Tiêu chí chất lượng	Đánh giá kết quả thực hiện theo tiêu chí chất lượng	Điểm đánh giá	Nhà thầu tự đánh giá kết quả thực hiện	Kết quả giám sát, nghiệm thu
			Không đáp ứng tiêu chí chất lượng	0		
4.2	Số đọc mực nước	Có số đọc mực nước theo Mẫu số 2 Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này	Đáp ứng tiêu chí chất lượng	15		
			Có số nhưng không theo mẫu	10		
			Không có số	0		
		Số ghi đầy đủ nội dung	Đáp ứng tiêu chí chất lượng	20		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng nhưng không đủ nội dung	15		
			Số không ghi nội dung	0		
4.3	Thời điểm đọc mực nước	Theo quy định tại mục 6.6.2 TCVN 11392:2017	Đáp ứng tiêu chí chất lượng	10		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng nhưng có trên 05 ngày có thời điểm đọc mực nước sai lệch thời điểm đọc cho phép	7		
			Không đáp ứng tiêu chí	5		
4.4	Vẽ biểu đồ mực nước	Theo quy định tại mục 6.6.2 TCVN 11392:2017	Đáp ứng tiêu chí chất lượng	20		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng nhưng vẽ biểu đồ không đúng với số liệu mực nước đọc được	15		
			Không vẽ biểu đồ	0		

STT	Hạng mục công việc	Tiêu chí chất lượng	Đánh giá kết quả thực hiện theo tiêu chí chất lượng	Điểm đánh giá	Nhà thầu tự đánh giá kết quả thực hiện	Kết quả giám sát, nghiệm thu
4.5	Có báo cáo, tổng hợp, lưu trữ theo quy định	Theo quy định tại mục 6.6.2 TCVN 11392:2017	Đáp ứng tiêu chí chất lượng	20		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng nhưng không đủ báo cáo	15		
			Không có báo cáo	0		
5	Đo dò, sơ khảo bãi cạn			100		
5.1	Số liệu đo và cao độ mực nước thời điểm đo	Có ghi sổ và lưu trữ hồ sơ quản lý luồng	Đáp ứng tiêu chí chất lượng	20		
			Không đáp ứng tiêu chí chất lượng	0		
		Số liệu đo và cao độ mực nước thời điểm đo cùng thời gian thực hiện	Đáp ứng tiêu chí chất lượng	10		
			Có số liệu đo và cao độ mực nước nhưng thời điểm đo không cùng thời gian thực hiện	7		
			Không có số liệu đo và cao độ mực nước	0		
5.2	Bản vẽ sơ họa mặt bằng bãi cạn và bản vẽ sơ họa trắc dọc, trắc ngang bãi cạn	Có bản vẽ sơ họa mặt bằng bãi cạn	Đáp ứng tiêu chí chất lượng	10		
			Không đáp ứng tiêu chí chất lượng	0		
		Có bản vẽ sơ họa trắc dọc bãi cạn	Đáp ứng tiêu chí chất lượng	10		
			Không đáp ứng tiêu chí	0		
		Có bản vẽ sơ họa trắc ngang bãi cạn	Đáp ứng tiêu chí chất lượng	10		

STT	Hạng mục công việc	Tiêu chí chất lượng	Đánh giá kết quả thực hiện theo tiêu chí chất lượng	Điểm đánh giá	Nhà thầu tự đánh giá kết quả thực hiện	Kết quả giám sát, nghiệm thu
			Không đáp ứng tiêu chí chất lượng	0		
		Bản vẽ sơ họa mặt bằng bãi cạn và bản vẽ sơ họa trắc dọc, trắc ngang có thể hiện cao độ đáy, chiều rộng luồng, kích thước bãi cạn	Đáp ứng tiêu chí chất lượng	40		
	Đáp ứng tiêu chí chất lượng nhưng thể hiện chưa đủ cao độ đáy, chiều rộng luồng, kích thước bãi cạn		30			
	Không đáp ứng tiêu chí chất lượng		0			
6	Vận hành âu tàu					
6.1	Bố trí nhân lực vận hành âu tàu của nhà thầu	Có bố trí nhân lực	Đáp ứng tiêu chí chất lượng	10		
			Có bố trí nhưng không đủ nhân sự vận hành 03 ca	7		
			Không đáp ứng tiêu chí chất lượng	0		
		Trực đủ 03 ca/ngày	Đáp ứng tiêu chí chất lượng	10		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng nhưng không trực đủ 03 ca	7		
			Không đáp ứng tiêu chí chất lượng	0		
		Phù hợp với hợp đồng hoặc văn bản chấp thuận điều	Đáp ứng tiêu chí chất lượng	20		

STT	Hạng mục công việc	Tiêu chí chất lượng	Đánh giá kết quả thực hiện theo tiêu chí chất lượng	Điểm đánh giá	Nhà thầu tự đánh giá kết quả thực hiện	Kết quả giám sát, nghiệm thu
		chính, bổ sung của Chủ đầu tư hoặc cơ quan, tổ chức được Chủ đầu tư ủy quyền, giao nhiệm vụ hoặc nhà thầu tư vấn giám sát	Đáp ứng tiêu chí chất lượng nhưng có nhân sự chưa được chấp thuận	10		
			Không đáp ứng tiêu chí chất lượng	0		
6.2	Sổ vận hành âu tàu	Có sổ ghi vận hành âu theo quy trình vận hành	Đáp ứng tiêu chí chất lượng	10		
			Không đáp ứng tiêu chí chất lượng	0		
		Sổ ghi đầy đủ nội dung	Đáp ứng tiêu chí chất lượng	10		
			Đáp ứng tiêu chí chất lượng nhưng không ghi đủ nội dung	7		
			Sổ không ghi nội dung	0		
6.3	Vận hành âu tàu.	Vận hành âu tàu an toàn, không để xảy ra sự cố do lỗi chủ quan	Đáp ứng tiêu chí chất lượng	40		
			Vận hành có sự cố do lỗi chủ quan	30		

Ghi chú: Nhà thầu ghi chi tiết nội dung kết quả thực hiện và tài liệu dẫn chứng thực hiện tại cột: "Nhà thầu tự đánh giá kết quả thực hiện" đối với từng tiêu chí của mỗi hạng mục công việc.



Phụ lục III
MẪU CÁC SỔ, BIÊN BẢN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Mẫu số 1: Sổ nhật ký tuyến

Mẫu số 2: Sổ đo mực nước

Mẫu số 3: Sổ theo dõi báo hiệu trên tuyến

Mẫu số 3-1: Sổ theo dõi cột, biển, phao báo hiệu trên tuyến

Mẫu số 3-2: Sổ theo dõi đèn báo hiệu

Mẫu số 4: Sổ theo dõi công trình, cảng, bến thủy nội địa, vật chướng ngại và tai nạn giao thông

Mẫu số 5: Sổ Trực đảm bảo giao thông

Mẫu số 6: Biên bản giám sát

Mẫu số 7: Biên bản nghiệm thu

Mẫu số 8: Bìa các sổ ghi chép

Mẫu số 2: Sổ đo mực nước
Ngày ... tháng ... năm 20...

STT	Giờ đo mực nước	Cao độ thước nước	Số đo trên thước nước (h)	Mực nước (H)
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>

NGƯỜI ĐỌC MỰC NƯỚC TRONG CA TRỰC
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 3-1: Sổ theo dõi cột, biển và phao báo hiệu trên tuyến

STT	Tên báo hiệu	Vị trí		Lý trình	Kích thước				Liên kết		Ngày tháng năm sử dụng, sửa chữa, thay thế, bảo trì	Nội dung sửa chữa, thay thế, bảo trì trong kỳ	Người thực hiện ghi số (Ký, ghi rõ họ tên)
		Phải	Trái		Phao	Cột	Biển		Biển với cột	Chân cột			
					ϕ	$\phi \times H$	B	H					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Phao chỉ vị trí giới hạn bên bờ phải luồng (A1.1)	P01		Km...									
2	Báo hiệu luồng đi gần bờ bên trái (A3.2)		B02	Km...									
...												
	Cộng:									

Trong đó:

- Phao ϕ phao
 - Phao ϕ phao

- Cột $\phi \times H$ cột
 - Cột $\phi \times H$ cột

- Biển $B \times H$ biển
 - Biển $B \times H$ biển

Mẫu số 3-2: Sổ theo dõi đèn báo hiệu

STT	Đèn báo hiệu (theo số thứ tự của báo hiệu)	Đặc tính kỹ thuật (tên loại đèn)	Ngày tháng năm sử dụng, sửa chữa, thay thế, bảo trì	Ngày/tháng/năm hết niên hạn	Nội dung sửa chữa, thay thế, bảo trì trong kỳ	Người thực hiện ghi sổ (ký, ghi rõ họ tên)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
2						
...						
Cộng:	...					

Trong đó:

- Đèn trên phao:	đèn	- Đèn trên cột:	đèn	- Đèn trên cầu:	đèn
+ Đèn có định vị GPS:	đèn	+ Đèn có cảnh báo:	đèn	+ Đèn có cảnh báo:	đèn
+ Đèn không có định vị GPS:	đèn	+ Đèn không có cảnh báo:	đèn	+ Đèn không có cảnh báo:	đèn

Mẫu số 4: Sổ theo dõi công trình, cảng, bến thủy nội địa, vật chứng nạn và tai nạn giao thông

1. Công trình (kè, cống, âu, đập, ống nước, đường dây, cầu), cảng, bến thủy nội địa

STT	Tên công trình	Vị trí, địa danh		Ngày tháng năm xây dựng	Kết cấu	Tên chủ quản lý công trình	Kích thước cơ bản			Mức độ ảnh hưởng đến vận tải	Người thực hiện (Ký, ghi rõ họ tên)
		- Km.../Bờ (trái, phải)	Xã, huyện				Dài (m)	Rộng (m)	Cao (m)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1											
2											
...											

Trong đó:

- Công trình kè: công trình
 + Công trình kè bảo vệ bờ (kè ốp bờ): công trình
 + Công trình kè chỉnh trị dòng chảy: công trình
 - Công trình cống, âu, đập: công trình
 - Công trình đường dây điện qua sông:..... công trình

- Cầu vượt sông: cầu
 - Công trình ngầm qua sông: công trình
 - Cảng thủy nội địa: cảng
 - Bến thủy nội địa: bến

Mẫu số 5: Sổ trực đảm bảo giao thông

1. Ngày ... tháng ... năm 20 ...;

2. Ca trực

3. Giờ bắt đầu ... giờ kết thúc.....;

4. Nội dung trong ca trực: *(Ghi diễn biến trong ca trực, các sự vụ xảy ra, mức độ giải quyết, tồn tại còn lại)*

.....

.....

Thời gian giao ca:

NGƯỜI GIAO CA
(ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI NHẬN CA
(ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 6: Biên bản giám sát

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIÁM SÁT
Tháng năm 20....

Gói thầu:

Hôm nay, ngày tháng năm 20..... Chúng tôi gồm:

I. Thành phần tham gia

- Ông/Bà: Chức vụ:

- Ông/Bà: Chức vụ:

II. Căn cứ giám sát

-
-

III. Kết quả giám sát

1. Kết quả kiểm tra nội nghiệp

-
-

2. Kết quả kiểm tra ngoại nghiệp

-
-

3. Đánh giá kết quả

-
-

IV. Kết luận

-
-

CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA
(ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 7: Biên bản nghiệm thu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

Tháng/Quý năm 20....

Gói thầu:

Hôm nay, ngày tháng năm 20..... Chúng tôi gồm:

I. Thành phần tham gia

- Ông/Bà: Chức vụ:

- Ông/Bà: Chức vụ:

II. Căn cứ nghiệm thu

-

-

III. Kết quả nghiệm thu

-

-

IV. Kết luận

-

-

CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA

(ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 8: Bìa các sổ ghi chép

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ (1)

Công ty:

Trạm/Đội:

Tuyến sông/Kênh/Rạch (QG....): (2)

QUYỀN SỐ...../ SỐ QUYỀN.....

(Từ ngày .../.../20 ... đến ngày ... /... /20 ...) (3)

.... ngày tháng ... năm 20...

Ghi chú:

(1) Ghi tên loại sổ tương ứng theo Phụ lục III;

(2) Ghi tên tuyến sông và mã hiệu của sông;

(3) Ghi ngày đầu tiên và kết thúc ghi chép sổ.